

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày: 23-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Mai Đức Danh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an thị xã Nghi Sơn. Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T - sinh năm: 1998, tại phường H, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường H, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T – Sinh năm 1965; con bà: Lê Thị H - Sinh năm 1969; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần là Nhà tạm giữ Công an thị xã S, tỉnh Thanh Hoá)

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Y – Sinh năm 1994

Nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/02/2023, Lê Văn T đến nhà nghỉ H thuộc thôn Đ, xã C, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa thuê phòng 301 để nghỉ. Khoảng 01 giờ

sau T ra về, khi đi qua phòng 203, T nghe thấy Tg nói chuyện bên trong, qua nội dung cuộc trò chuyện, T đoán được cặp đôi nam nữ trong phòng có quan hệ bất chính với nhau nên nảy sinh ý định dùng thông tin đời tư này đe dọa, cưỡng đoạt tài sản của người trong phòng. T ngồi đợi ở bàn nước tầng 01 khoảng 15 phút thì thấy chị Nguyễn Thị Y đi từ phòng 203 xuống tầng lấy xe mô tô ra về nên T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen-vàng-đồng, biển kiểm soát 36B7-226.63 đi theo sau. Khi đi đến đoạn Tỉnh lộ 512 thuộc địa phận thôn Phú Sơn, xã Các Sơn, thị xã S, T vượt lên chặn đầu xe chị Y lại, nói với chị Y về việc T biết chị Y có quan hệ bất chính với người đàn ông khác trong nhà nghỉ H và buộc chị Y phải làm theo yêu cầu của T nếu không sẽ nói với gia đình. T yêu cầu chị Y mở cốp xe mô tô lấy điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V23e, màu xanh của chị Y đưa cho T, vì lo sợ nên chị Y làm theo. T cầm điện thoại bỏ vào túi áo khoác bên trái, sau đó T dựng xe của mình lại ven đường rồi T ngồi lên xe của chị Y điều khiển và yêu cầu chị Y ngồi phía sau; lo sợ có người qua đường biết được chuyện của mình nên chị Y ngồi lên phía sau xe theo yêu cầu của T. T điều khiển xe đến khu vực nghĩa trang thuộc địa phận thôn Song, xã Các Sơn, thị xã S thì dừng lại, dựng xe trên đường bê tông trong nghĩa trang rồi dẫn chị Y đi sâu vào chân núi Các. Tại đây, T dùng điện thoại OPPO A76 màu đen của mình chụp 02 tấm ảnh chị Y đứng, sau đó T yêu cầu chị Y cởi bỏ quần áo nhưng chị Y không đồng ý, T đe dọa nếu không cởi T sẽ gọi điện về cho gia đình làm chị Y hoảng sợ nên đã cởi bỏ áo khoác ngoài và áo ba lỗ. T tiếp tục chụp 02 bức ảnh ngực chị Y, sau đó yêu cầu chị Y cởi quần, chị Y không đồng ý thì T kéo quần ngoài và quần lót của chị Y xuống rồi dùng tay trái sờ vào mông, ngực và bộ phận sinh dục của chị Y. Khi bị T sờ, chị Y phản kháng và giả vờ lên cơn co giật nên T dừng lại. Một lúc sau, khi chị Y đứng dậy thì T tiếp tục dùng điện thoại chụp hình ảnh chị Y khóa thân rồi để cho chị Y mặc quần áo. Tiếp đó, T chở chị Y về vị trí T để xe rồi cung cấp số điện thoại 0522.734.959 của mình cho chị Y, yêu cầu chị Y về nhà phải liên lạc với mình nếu không sẽ gửi các bức ảnh nhạy cảm của chị Y lên mạng xã hội và gửi thông tin chị Y có quan hệ bất chính cho gia đình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, chị Y liên lạc với T đề nghị xóa số ảnh đã chụp và không nói việc mình quan hệ bất chính cho gia đình biết, thì T yêu cầu chị Y phải chuyển cho mình số tiền 16.000.000 đồng. Đến ngày 26/02/2023, T gọi điện hỏi chị Y đã có tiền chưa và tiếp tục đe dọa nếu không chuyển tiền thì sẽ gửi ảnh nhạy cảm của chị Y lên mạng xã hội, thì chị Y xin thêm thời gian để chuẩn bị tiền. Sáng ngày 27/02/2023, chị Y gọi điện cho T xin chuyển trước 5.000.000 đồng và nói số còn lại sẽ chuyển sau, T đồng ý. Chị Y chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản 030076366510 Ngân hàng Sacombank của T. Sau khi nhận được tiền, T rút 4.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Về phần chị Y sau đó đã đến Công an xã Các Sơn trình báo sự việc.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76 màu đen, bên trong lắp sim số 0522734959 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen-vàng-đồng, biển kiểm soát 36B7-226.63; trích xuất, thu giữ 02 đoạn video từ Camera của nhà nghỉ H tại thời điểm xảy ra vụ án lưu trữ trong USB kingston màu trắng, xám, dung lượng 4GB.

Tại bản kết luận giám định số 1596/KL-KTHS ngày 26/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: *Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 02 tệp video* (phụ lục kèm theo).

Tại kết luận giám định số 1709/KL-KTHS ngày 08/5/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/02/2023 đến ngày 27/02/2023:

- *Không tìm thấy dữ liệu đã xóa trong điện thoại gửi giám định.*
- *Tìm thấy 40 cuộc gọi, 10 ảnh trong điện thoại gửi giám định (kèm theo phụ lục).*

hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T, cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V23e dung lượng 128gb màu xanh, số Imei 1: 8672530592359; số Imei 2: 86723059235900, số sim 8984048000023644741.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Công an thị xã S kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V23e màu xanh của chị Nguyễn Thị Y tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 1.800.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT-VKSNS ngày 09/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 38 BLHS; khoản 2 Điều 136 và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt: Lê Văn T từ 15 đến 21 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, không xem xét phần bồi thường. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen-vàng-đồng, biển kiểm soát 36B7-226.63, số máy JA36E0652623; số khung RLHJA3653GY135748, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36B7-226.63 mang tên Lê Văn T và 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen, số Imei1: 869571055006290; số Imei 2: 869571055006282; bên trong lắp số sim 89840509201264459358; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T khai nhận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, nên trong khoảng thời gian từ ngày 25/02/2023 đến ngày 27/02/2023, Lê Văn T đã có hành vi sử dụng thông tin đời tư và hình ảnh khỏa thân của chị Nguyễn Thị Y để đe dọa, uy hiếp tinh thần, chiếm đoạt của chị Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V23e, dung lượng 128gb màu xanh trị giá 1.800.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng trong tổng số 16.000.000 đồng T yêu cầu chị Y phải đưa. Tổng giá trị tiền và tài sản T đã chiếm đoạt của chị Y là 6.800.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với kết luận của đại diện VKS. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của BLHS.

Lê Văn T còn có hành vi ép buộc chị Y phải cởi bỏ quần áo, trực tiếp cởi quần và dùng tay sờ mó bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của chị Y, chụp và lưu ảnh khỏa thân của chị Y. Hành vi của T có dấu hiệu của tội “Làm nhục người khác” quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên chị Y không yêu cầu khởi tố hình sự nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với T về hành vi này.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn thị xã S nói chung, tình trạng cưỡng đoạt tài sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian, mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện tác động gia đình trả lại 5.000.000đ cho bị hại. Do đó cần căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét về bồi thường dân sự: Bị cáo tác động gia đình trả lại 5.000.000đ cho bị hại. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V23e, dung lượng 128gb màu xanh cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Xét về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen-vàng-đồng, biển kiểm soát 36B7-226.63, số máy JA36E0652623; số khung RLHJA3653GY135748 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36B7-226.63 mang tên Lê Văn T và 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen, số Imei1: 869571055006290; số Imei 2: 869571055006282; bên trong lắp số sim 89840509201264459358 hiện đang nhập kho Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, theo phiếu nhập kho số NK2023/53 ngày 13/6/2023. Chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại trên là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 38 BLHS; khoản 2 Điều 136 và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Lê Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt Lê Văn T 15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2023.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen-vàng-đồng, biển kiểm soát 36B7-226.63, số máy JA36E0652623; số khung RLHJA3653GY135748 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36B7-226.63 mang tên Lê Văn T và 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen, số Imei1: 869571055006290; số Imei 2: 869571055006282; bên trong lắp số sim 89840509201264459358 hiện đang nhập kho Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, theo phiếu nhập kho số NK2023/53 ngày 13/6/2023.

5. Án phí: Lê Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an thị xã Nghi Sơn;
- CQTHAHS Công an thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bắc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải

Mai Đức Danh

Nguyễn Văn Bắc

